

Bản án số 201/2022/HC-PT

Ngày 07-6-2022

V/v: yêu cầu hủy quyết định ấn
định thuế đối với hàng xuất khẩu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;

Các Thẩm phán: ông Hồ Sỹ Hưng;

ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 561/2020/TLPT-HC ngày 10 tháng 11 năm 2020 về khởi kiện yêu cầu hủy quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 10/2020/HC-ST ngày 21-8-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4696/2022/QĐPT-HC ngày 20-5-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Công ty TNHH I.

Người đại diện theo pháp luật: Bà UMR - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông JK - Phó Giám đốc Công ty; địa chỉ: Công ty TNHH I - Lô B2, khu công nghiệp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan - Tổng cục Hải quan.

Người đại diện hợp pháp: bà Nguyễn Thu N - Phó Cục trưởng (theo ủy quyền), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện trình bày: Công ty TNHH I (sau đây viết tắt: I) là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và gia công một số sản

phẩm phụ kiện trong lĩnh vực điện tử, như chân cắm sạc điện thoại, để cung cấp cho các đối tác trong và ngoài nước.

Để phục vụ hoạt động sản xuất của mình, I tiến hành nhập khẩu một số sản phẩm là nguyên liệu đồng. Quá trình sản xuất và gia công mà Công ty thực hiện phát sinh một số rác thải được phân loại là phế liệu đồng. Công ty tiến hành thu gom các phế liệu đồng này, và xuất khẩu ra nước ngoài để thuê các đối tác nước ngoài có chức năng phù hợp thực hiện các công đoạn gia công nhằm tạo ra nguyên liệu đồng ban đầu, tương tự các nguyên liệu mà Công ty nhập khẩu để phục vụ hoạt động sản xuất và gia công.

Sau quá trình gia công phế liệu đồng tại nước ngoài, Công ty nhập khẩu trở lại sản phẩm gia công hoàn thiện, là các nguyên liệu đồng, để tiếp tục sử dụng là nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất và gia công của Công ty.

Do hoạt động xuất khẩu phế liệu đồng để gia công sau đó nhập khẩu trở lại sản phẩm đồng hoàn thiện thuộc diện được miễn thuế xuất khẩu theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu - thuế nhập khẩu hiện hành, Công ty ban đầu đã kê khai các sản phẩm phế liệu xuất khẩu thuộc diện miễn thuế xuất khẩu. Tuy nhiên, do yêu cầu của Hải quan TS, mặc dù không đồng ý với kết luận của Hải quan TS về việc áp thuế xuất khẩu đối với phế liệu đồng xuất khẩu để gia công, Công ty đã tuân thủ thực hiện khai báo và nộp thuế xuất khẩu đối với các tờ khai xuất khẩu phế liệu đồng sau ngày 14/7/2017, với tổng số tiền thuế là 83.388.368 đồng.

Ngày 30/10/2018, Cục trưởng Cục Kiểm tra Sau Thông quan (sau đây viết tắt: Cục trưởng KTSTQ) đã ký ban hành Quyết định số 690/QĐ-KTSTQ, tiến hành kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Công ty.

Sau quá trình kiểm tra, ngày 30/11/2018, Cục trưởng KTSTQ đã ký ban hành Bản Kết luận Kiểm tra sau Thông quan số 924/KL-KTSTQ (C1) ("Bản Kết luận 924"). Tại Phần 6.1.7 của Bản Kết luận 924, Cục trưởng KTSTQ kết luận rằng: *căn cứ điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu thuế nhập khẩu thì Tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51 % giá thành sản phẩm trở lên và hàng hóa xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế xuất khẩu.*

Theo quy định trên, lượng phế liệu đồng Công ty xuất khẩu để gia công tại nước ngoài không được miễn thuế xuất khẩu.

Đồng thời, Cục trưởng Cục KTSTQ bác bỏ trị giá khai báo đối với 25 tờ khai xuất khẩu phế liệu đồng của Công ty trong giai đoạn từ 28/3/2017 đến 31/10/2018.

Trên cơ sở Bản Kết luận 924, ngày 30 tháng 1 năm 2019, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan đã ban hành Quyết định số 56/QĐ-KTSTQ(C1) ("Quyết định 56") ấn định thuế đối với hàng xuất khẩu của Công ty đối với 25 tờ khai hải quan với số tiền thuế xuất khẩu ấn định là 9.619.390.083 đồng.

Trong và sau thời điểm ban hành Quyết định 56, I đã tích cực làm việc và giải trình bằng văn bản với Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính thể hiện việc Công ty không đồng ý với cách diễn giải của Cục Kiểm tra Sau Thông quan. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng đã không xem xét đến các phân tích, lập luận cũng như chứng minh và giải trình của I.

Công ty vẫn luôn bảo lưu quan điểm của mình và chưa từng chấp nhận cách giải thích của Cục KTSTQ. Tuy nhiên, Công ty hiểu rằng với các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành thì một quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vẫn có giá trị pháp lý chừng nào quyết định đó chưa bị hủy bỏ bởi cơ quan hành chính cấp trên, hoặc phán quyết của Tòa án. Hơn thế nữa, việc Công ty không tuân thủ quyết định hành chính của Cục KTSTQ nêu tại Quyết định 56 có thể dẫn đến nguy cơ bị phạt hành chính với hình thức vi phạm nghiêm trọng hơn (vi phạm trốn thuế thay vì khai sai); điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó, mặc dù Công ty không đồng ý với quyết định của Cục KTSTQ thể hiện tại Quyết định 56 và đã tiến hành song song việc chuẩn bị hồ sơ khởi kiện hành chính đối với quyết định này, Công ty vẫn kê khai bổ sung thuế theo yêu cầu của cơ quan Hải quan.

Mặc dù khó khăn về mặt tài chính, tính đến ngày của Đơn khởi kiện này (16/5/2019), Công ty đã thực hiện nộp đủ tổng số tiền thuế là 9.619.390.083 đồng theo yêu cầu tại Quyết định 56, và số tiền chậm nộp theo tính toán của hệ thống dữ liệu của cơ quan hải quan cung cấp là 229.410.000 đồng. Tổng số tiền thuế, mà Công ty đã nộp là 9.848.800.083 đồng.

Căn cứ khởi kiện:

Xuyên suốt giai đoạn từ 01/7/2016 cho đến nay, chính sách thuế GTGT nhất quán trong việc xác định rằng chỉ những tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc trong nước và những sản phẩm từ tài nguyên khoáng sản trên mới là đối tượng không chịu thuế GTGT.

Nghị định 87/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, áp dụng việc miễn thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài để gia công cho phía Việt Nam, khi nhập khẩu trở lại được miễn thuế nhập khẩu trên phần trị giá của hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài để gia công theo hợp đồng.

Khoản 6, Điều 16 Luật thuế XNK quy định: *Hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu được miễn thuế xuất khẩu.*

Nghị định 134/2016/NĐ-CP thay thế Nghị định 87/2010/NĐ-CP ("Nghị định 134"), có hiệu lực từ ngày 01/9/2016, đã thay đổi quy định này theo hướng: *Hàng hóa xuất khẩu để gia công, sản phẩm gia công nhập khẩu theo hợp đồng gia công được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, gồm:*

a) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện xuất khẩu.

Trị giá hoặc lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện đã xuất khẩu tương ứng với sản phẩm gia công không nhập khẩu trở lại phải chịu thuế xuất khẩu theo mức thuế suất của nguyên liệu, vật tư, linh kiện xuất khẩu.

Hàng hóa xuất khẩu để gia công là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51 % giá thành sản phẩm trở lên và hàng hóa xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế xuất khẩu.

Như vậy, mặc dù hàng hóa xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng được miễn thuế xuất khẩu, nhưng nếu hàng hóa xuất khẩu đó là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51 % giá thành sản phẩm trở lên và hàng hóa xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế xuất khẩu.

Điểm a, khoản 1, Điều 11 Nghị định 134 đã quy định rõ "việc xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản phẩm căn cứ vào quy định về xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên quy định tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;" ("Nghị định 100").

Cục KTSTQ đã không xem xét đầy đủ các cơ sở pháp lý tại điểm a khoản 1, Điều 11 Nghị định 134 và Nghị định 100 khi áp thuế xuất khẩu lên phế liệu đồng xuất khẩu để gia công.

Bản Kết luận 924, Cục KTSTQ chỉ dựa vào duy nhất quy định: ...hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu để áp thuế xuất khẩu đối với phế liệu đồng xuất khẩu của I. Công ty hoàn toàn đồng ý với Cục KTSTQ rằng sản phẩm phế liệu đồng là hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu.

Cục KTSTQ không xem xét đến quy định Các tài nguyên, khoáng sản đưa vào tính mức 51% giá thành sản phẩm trở lên phải là tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc trong nước. Điều này có nghĩa là khi xem xét một sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam, mà nguyên liệu để sản xuất sản phẩm đó có nguồn gốc là tài nguyên, khoáng sản, thì phải xem xét liệu các tài nguyên, khoáng sản đó có phải là tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc ở Việt Nam hay không.

Trong khi đó, toàn bộ các nguyên liệu đồng (thanh đồng) phục vụ hoạt động sản xuất của I đều là các nguyên liệu nhập khẩu, hoàn toàn không hề có nguồn gốc trong nước. Toàn bộ nguyên liệu đồng tạo ra phế liệu đồng đều là các nguyên liệu nhập khẩu. Do đó sản phẩm phế liệu đồng của I, khi xuất khẩu để thuê nước ngoài gia công, phải thuộc diện được miễn thuế xuất khẩu.

Nay Công ty I khởi kiện đề nghị Tòa án:

1. Hủy Quyết định số 56/QĐ-KTSTQ(C1) ngày 30/01/2019 của Cục trưởng

Cục kiểm tra sau thông quan về ấn định thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

2. Buộc Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan hoàn trả lại số tiền đã nộp thuế là 9.848.800.083 đồng.

Đại diện người bị kiện trình bày:

Thực hiện Quyết định số 690/QĐ-KTSTQ ngày 30/11/2018 của Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan (KTSTQ) về việc KTSTQ tại trụ sở Công ty TNHH I (gọi tắt là Công ty), Đoàn kiểm tra thuộc Cục KTSTQ đã kiểm tra tại trụ sở Công ty từ ngày 02/11/2018 đến ngày 15/11/2018 theo quy định.

Kết thúc kiểm tra, Cục trưởng Cục KTSTQ đã ban hành Bản kết luận kiểm tra sau thông quan số 924/KL-KTSTQ(C1) ngày 30/11/2018, trong đó có các nội dung sau:

1. Cục KTSTQ bác bỏ giá trị khai báo và ấn định thuế do chênh lệch trị giá khai báo đối với 25 tờ khai xuất khẩu phế liệu đồng đi gia công tại nước ngoài đăng ký loại hình XNK E82 giai đoạn từ 28/3/2017 đến 31/10/2018 với thuế suất thuế xuất khẩu là 22% do có mâu thuẫn giữa hồ sơ hải quan với sổ kế toán, chứng từ kế toán; giữa hồ sơ hải quan và nội dung giải trình của doanh nghiệp; giữa hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán với các chứng từ tài liệu khác có liên quan.

2. Lượng phế liệu đồng xuất khẩu đi gia công tại nước ngoài theo loại hình E82 không được miễn thuế xuất khẩu, mức thuế suất thuế xuất khẩu giai đoạn từ 28/3/2017 đến 31/10/2018 là 22%.

Trên cơ sở Bản kết luận kiểm tra sau thông quan số 924/KL-KTSTQ(C1), Cục trưởng Cục KTSTQ đã ban hành Quyết định số 56/QĐ-KTSTQ(C1) ngày 30/01/2019, trong đó ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu liên quan đến giá trị hàng hóa là 9.619.390.084 đồng. Công ty đã nộp đủ số tiền ấn định thuế, tiền xử phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với chính sách thuế liên quan đến lượng phế liệu đồng xuất khẩu đi gia công tại nước ngoài đăng ký loại hình XNK E82 thì căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 11 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định: *“Hàng hóa xuất khẩu để gia công là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51 % giá thành sản phẩm trở lên và hàng hóa xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế xuất khẩu”*. Do đó, phế liệu đồng Công ty xuất khẩu để gia công tại nước ngoài không được miễn thuế xuất khẩu.

Căn cứ Biểu thuế xuất nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP thì lượng phế liệu đồng Công ty xuất khẩu để gia công tại nước ngoài chịu thuế xuất khẩu 22%.

Về cách tính toán khi xác định trị giá, Cục KTSTQ đã áp dụng tuân tự các phương pháp xác định trị giá hải quan và dừng ngay ở phương pháp suy luận áp dụng linh hoạt phương pháp trị giá khấu trừ trên cơ sở các tài liệu, số liệu khách

quan, có sẵn tại thời điểm xác định trị giá hải quan.

Dựa trên số liệu khách quan trên sổ kế toán do Công ty cung cấp thì: các phế liệu thuộc 25 tờ khai hải quan này đều có ghi nhận trị giá của từng mặt hàng phế liệu đồng xuất đi để thuê gia công ở nước ngoài (giá từ 3,68 - 4,83 USD/1 kg).

Như vậy, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan ban hành Quyết định ấn định thuế số 56/QĐ-KTSTQ(C1) ngày 30/01/2019 là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 10/2020/HC-ST ngày 21-8-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 82 Luật hải quan; Quyết định số 1384/QĐ-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH I gồm:

- Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 56/QĐ-KTSTQ(C1) ngày 30/01/2019 của Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan - Tổng cục hải quan về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Bác yêu cầu khởi kiện buộc Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan hoàn trả lại số tiền đã nộp thuế là 9.848.800.083 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04-9-2020, người khởi kiện có đơn kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện người khởi kiện đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nêu trên.

Đại diện người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có ý kiến căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 30/01/2019, Cục trưởng Cục KTSTQ đã ban hành Quyết định số 56/QĐ-KTSTQ(C1), trong đó ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu liên quan đến giá trị hàng hóa là 9.619.390.084 đồng đối với Công ty TNHH I. Đây là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định. Ngày 16/5/2019, Công ty I đã nộp đơn khởi kiện; ngày 21/5/2019 nộp đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung đề nghị giải quyết là bảo đảm thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện Quyết định số 56/QĐ-KTSTQ(C1) ngày 30/01/2019 của Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan - Tổng cục Hải quan về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu:

Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan là đơn vị trực thuộc Tổng cục Hải quan có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 1384/QĐ-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ Tài chính. Ngày 20/11/2018 Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan ban hành Kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Công ty TNHH I.

Để xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan, ngày 20/01/2019 Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan ban hành quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu của Công ty TNHH I là đúng thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều 82 Luật hải quan.

Công ty TNHH I cho rằng phế liệu đồng của mình là khoáng sản có nguồn gốc nước ngoài và thuộc đối tượng được miễn thuế xuất khẩu nên không đồng ý với Quyết định ấn định thuế nêu trên.

Xem xét các quy định của pháp luật về việc miễn thuế xuất khẩu đối với mặt hàng đồng phế liệu của Công ty I, xét thấy:

Khoản 6 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2016) quy định về miễn thuế như sau:

“6. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn vào sản phẩm gia công; sản phẩm gia công xuất khẩu.

Sản phẩm gia công xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư trong nước có thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư trong nước tương ứng cấu thành trong sản phẩm xuất khẩu.

Hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu được miễn thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu tính trên phần trị giá của nguyên vật liệu xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công. Đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản

cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thì không được miễn thuế”.

Song song với quy định về miễn thuế này thì Điều luật cũng quy định “24. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

Ngày 01/9/2016, Chính phủ ban hành Nghị định 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Theo đó tại điểm a khoản 1 Điều 11 quy định cụ thể như sau:

Điều 11. Miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công, sản phẩm gia công nhập khẩu.

1. Hàng hóa xuất khẩu để gia công, sản phẩm gia công nhập khẩu theo hợp đồng gia công được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, gồm:

a) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện xuất khẩu.

Trị giá hoặc lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện đã xuất khẩu tương ứng với sản phẩm gia công không nhập khẩu trở lại phải chịu thuế xuất khẩu theo mức thuế suất của nguyên liệu, vật tư, linh kiện xuất khẩu.

Hàng hóa xuất khẩu để gia công là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51 % giá thành sản phẩm trở lên và hàng hóa xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế xuất khẩu.

Nội dung điều luật quy định 02 trường hợp không được miễn thuế xuất khẩu gồm: “Hàng hóa xuất khẩu để gia công là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51 % giá thành sản phẩm trở lên” và “hàng hóa xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế xuất khẩu”.

Như vậy, theo các quy định nêu trên kể từ ngày 01/9/2016 (ngày Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có hiệu lực pháp luật) thì hàng hóa xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì người khai báo hải quan phải khai báo và nộp thuế xuất khẩu theo mức thuế xuất khẩu theo quy định.

Trong khi đó, mặt hàng Công ty I xuất khẩu để gia công là phế liệu đồng trong quá trình sản xuất linh kiện điện tử có nguồn gốc nhập khẩu từ nước ngoài nên không thể coi là tài nguyên, khoáng sản (được khai thác), mà chỉ là một loại hàng hóa.

Tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan đã quy định: mã hàng 74.04 Phế liệu và mảnh vụn của đồng có mức thuế xuất là 22%.

Liên quan đến vụ việc này không chỉ có Công ty I mà cũng có rất nhiều doanh nghiệp khác trên toàn quốc có thắc mắc cho rằng việc thu thuế xuất khẩu

đối với phế liệu, phế phẩm kim loại xuất khẩu gia công là chưa phù hợp và cũng đã có văn bản phản ánh gửi đến Chính phủ, Bộ Tài chính đề nghị làm rõ. Cùng với ý kiến thống nhất của nhiều Bộ, Ngành có liên quan, ngày 18/8/2017 Bộ Tài chính đã có Văn bản số 11081/BTC-TCHQ để trả lời về chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công theo quy định tại Nghị định 134. Theo đó, Bộ tài chính đã có hướng dẫn về nghiệp vụ: phế liệu, phế phẩm kim loại thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế xuất khẩu.

Như vậy, Quyết định số 56/QĐ-KTSTQ(C1) ngày 30/01/2019 của Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu là phế liệu đồng xuất khẩu gia công tại nước ngoài của Công ty TNHH I là có căn cứ. Thực tế, Công ty TNHH I đã thực hiện việc nộp thuế và số tiền chậm nộp; tổng số là 9.848.800.083 đồng.

Với các lí do trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH I.

[3]. Về án phí: Công ty TNHH I phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của Công ty TNHH Precision Việt Nam và giữ nguyên quyết định của Bản án số 10/2020/HC-ST ngày 21-8-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

2. Công ty TNHH Precision Việt Nam phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận Công ty đã nộp số tiền này vào ngày 21-9-2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam